

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 42/2019/QĐST-DS

Chư Prông, ngày 18 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: 198 T, quận K, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật ông Nghiêm Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đỗ Thị Việt H, chức Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh G; theo văn bản ủy quyền số 87/UQ-VCB-PC, ngày 01/4/2019.

Địa chỉ: 33 Q, Tp. K, tỉnh G.

Người được ủy quyền lại ông Hồ Hữu P, chức vụ nhân viên phòng giao dịch Tr, Ngân hàng N – Chi nhánh G (theo giấy ủy quyền lại lập ngày 01/5/2019).

Bị đơn: ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

Trú tại: thôn B, xã I, huyện CPr, tỉnh G.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ công nhận có nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N, Chi nhánh G, Phòng giao dịch T số tiền gốc 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) cùng với lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 09/10/2019 số tiền lãi là: 127.373.862đ (Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng).

Tổng cộng ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải trả cho Ngân hàng N – chi nhánh G, phòng giao dịch T tổng cộng tiền gốc và tiền lãi theo hợp

đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 09/10/2019 là: 1.377.373.862đ (Một tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng).

2.2 Về thời hạn, phương thức trả tiền:

Về thời hạn thanh toán: ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ cam kết sẽ thanh toán cho Ngân hàng N, Chi nhánh G, Phòng giao dịch T số tiền gốc là 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) cùng với lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 09/10/2019 số tiền lãi là: 127.373.862đ (Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng). Tổng cộng ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 09/10/2019 là: 1.377.373.862đ (Một tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng) vào ngày **30/10/2019**.

Về phương thức trả tiền: ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ cam kết sẽ thanh toán cho Ngân hàng N, Chi nhánh G, Phòng giao dịch T số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 09/10/2019 là: 1.377.373.862đ (Một tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng) **một lần** vào ngày 30/10/2019.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trong trường hợp ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ vi phạm thời hạn trả nợ thì Ngân hàng N, Chi nhánh G, Phòng giao dịch T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản đang thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 09/11A/NHNT lập ngày 09/11/2017 giữa Phòng giao dịch T – Ngân hàng N – Chi Nhánh G với ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được công chứng ngày 10/11/2017 tại Văn Phòng Công Chứng số 1, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CD 576011 do Ủy ban nhân dân huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 17/8/2016, thửa đất số 01, tờ bản đồ số trích đo, diện tích 41.257m² do Ủy ban nhân dân huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 17/8/2016, địa chỉ tại thôn 2, xã I, huyện CPr, tỉnh G, ông Huỳnh Hữu C, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ nhận chuyển nhượng lại vào ngày 26/10/2017.

Ngân hàng N, Chi nhánh G, Phòng giao dịch T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CD 576011 do Ủy ban nhân dân huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 17/8/2016 sau khi ông C và bà Đ trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

2.3 Về chi phí thẩm định: ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải thanh toán lại cho Ngân hàng N, Chi nhánh G, Phòng giao dịch T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: án phí của số tiền 1.377.373.862đ (Một tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi hai

đồng) là $36.000.000đ + \{(1.377.373.862 - 800.000.000đ) \times 3\% \} \times 50\%$ là 26.660.607đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn sáu trăm lẻ bảy đồng).

Bị đơn ông Huỳnh Hữu C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.660.607đ (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm lẻ bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N, Chi nhánh G, Phòng giao dịch T số tiền tạm ứng án phí trước đây đã nộp là 24.750.000đ (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000252 ngày 08/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CPr, tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Ngô Trung Thực